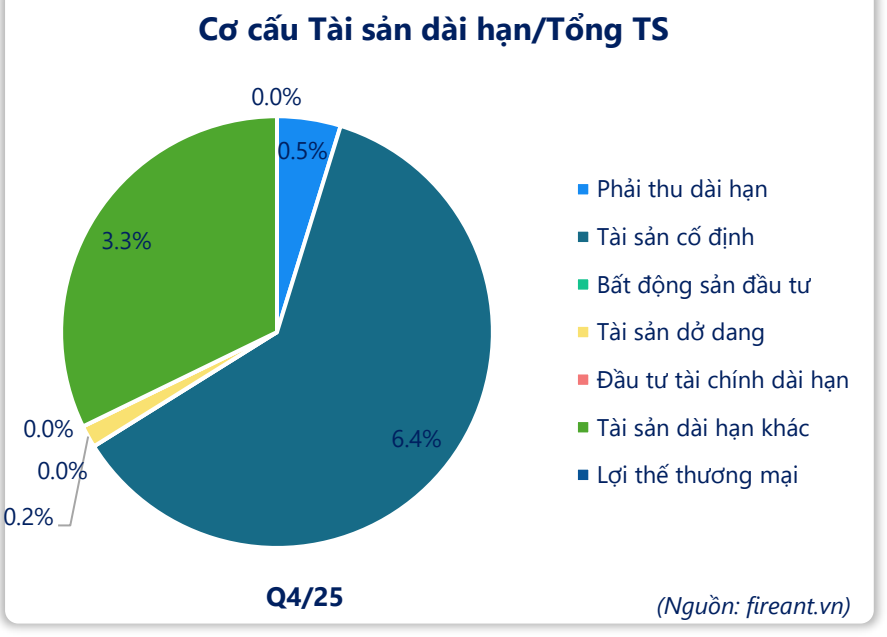
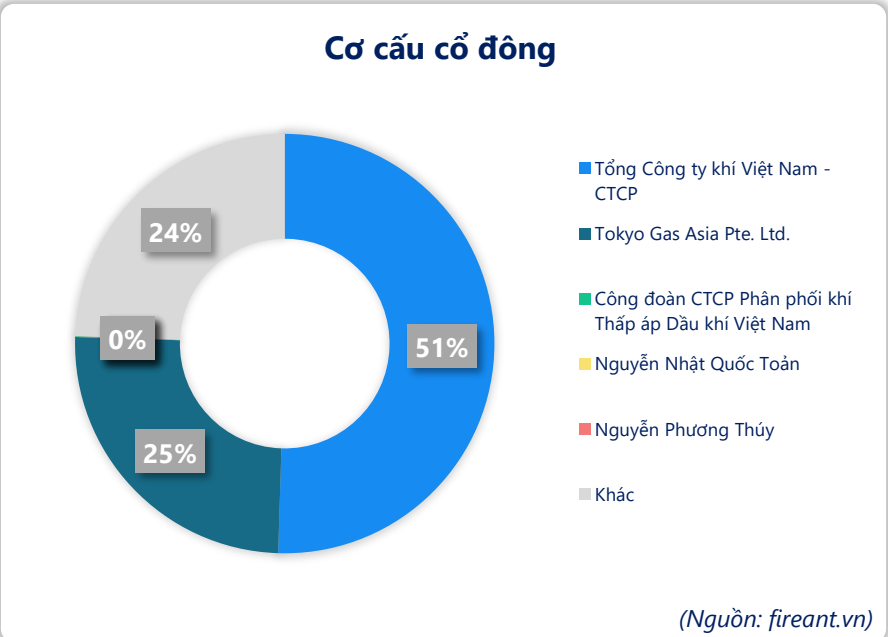
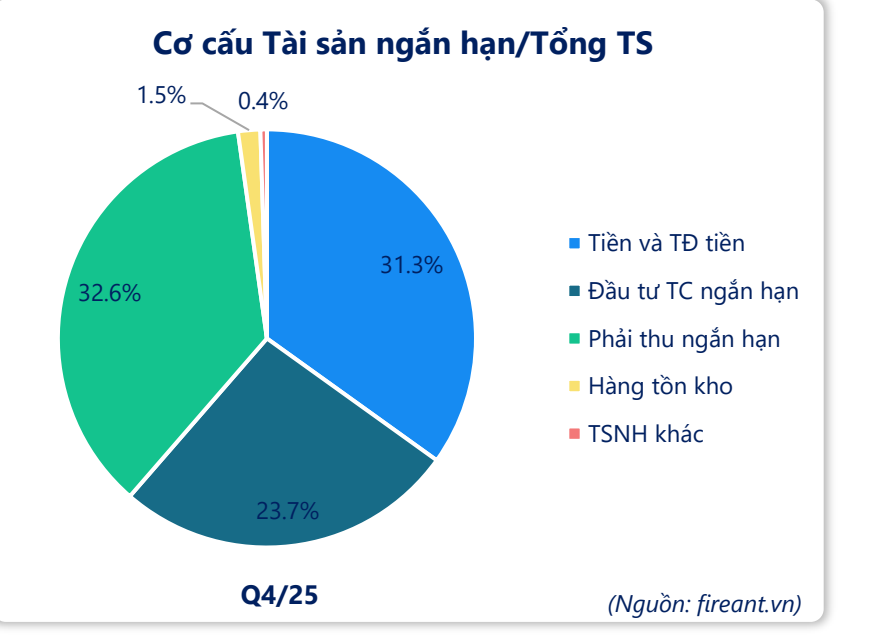
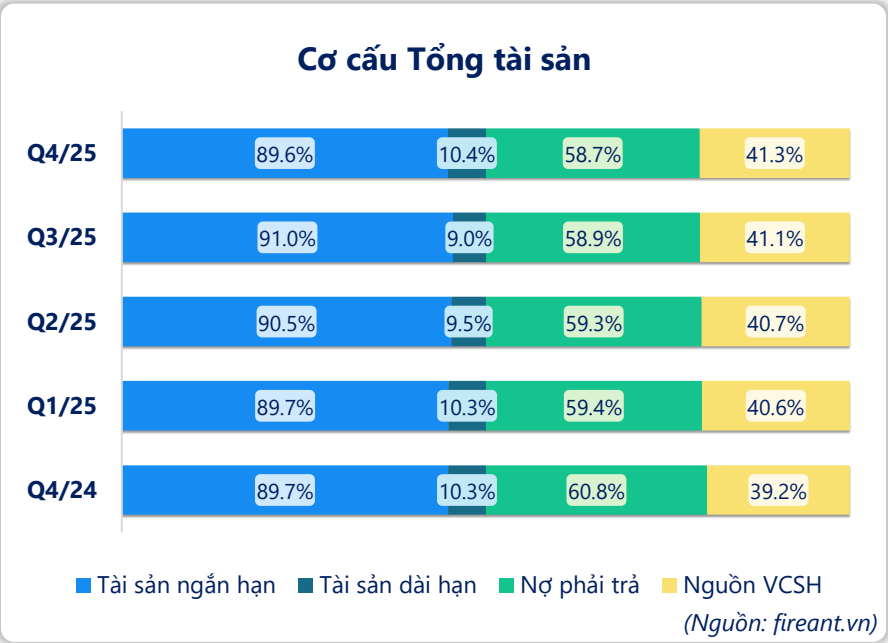
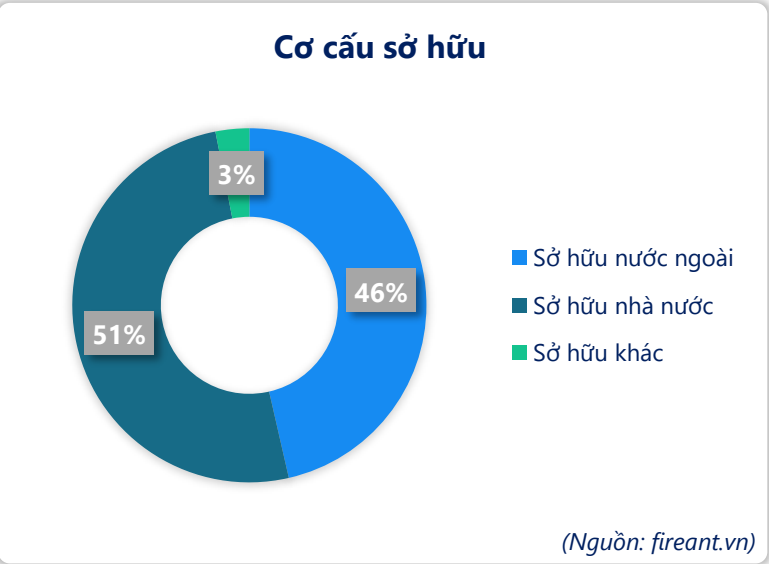
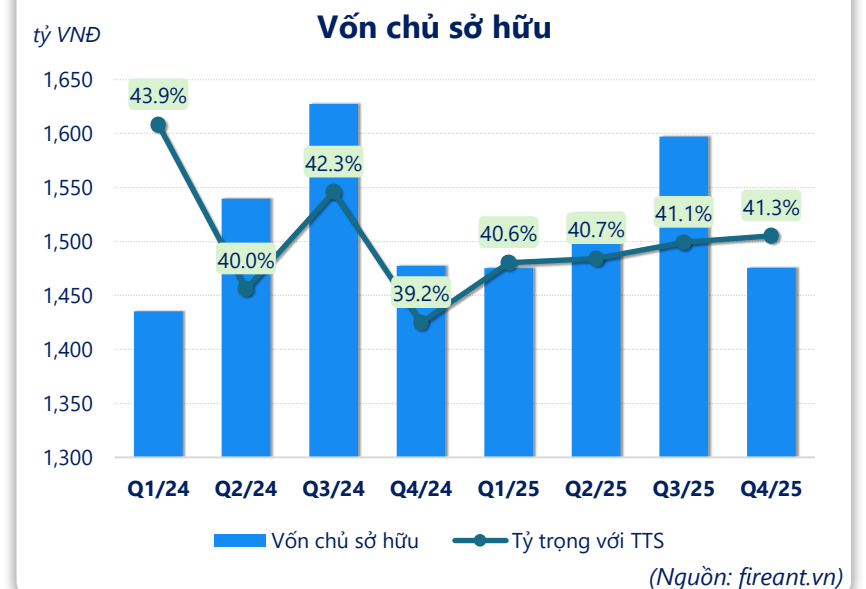
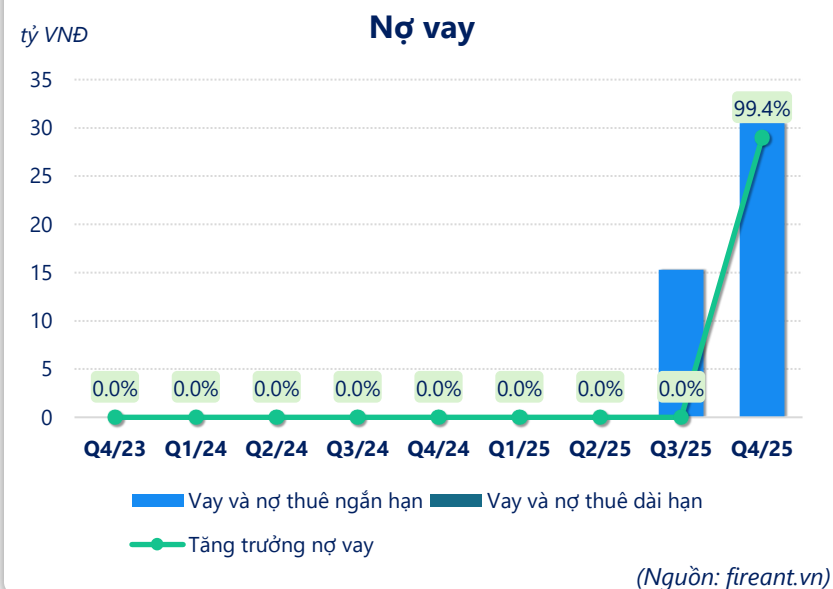
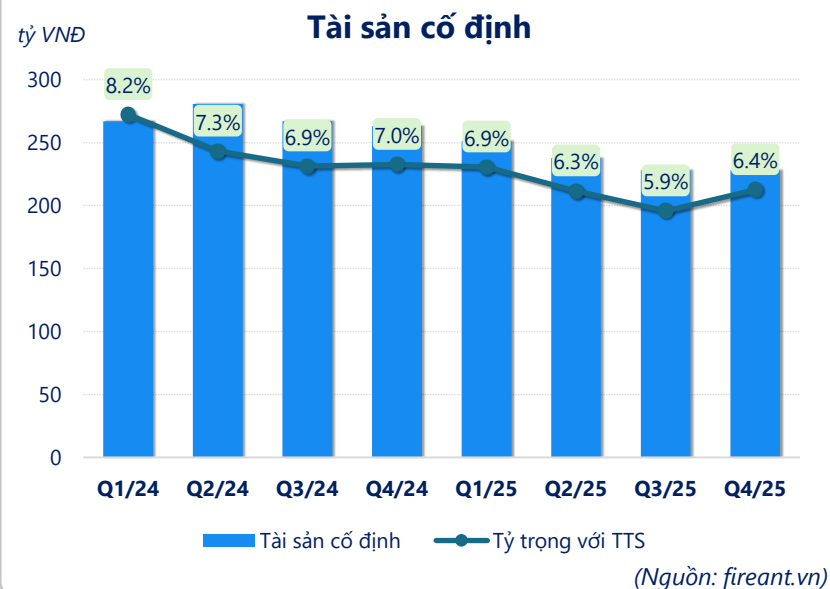
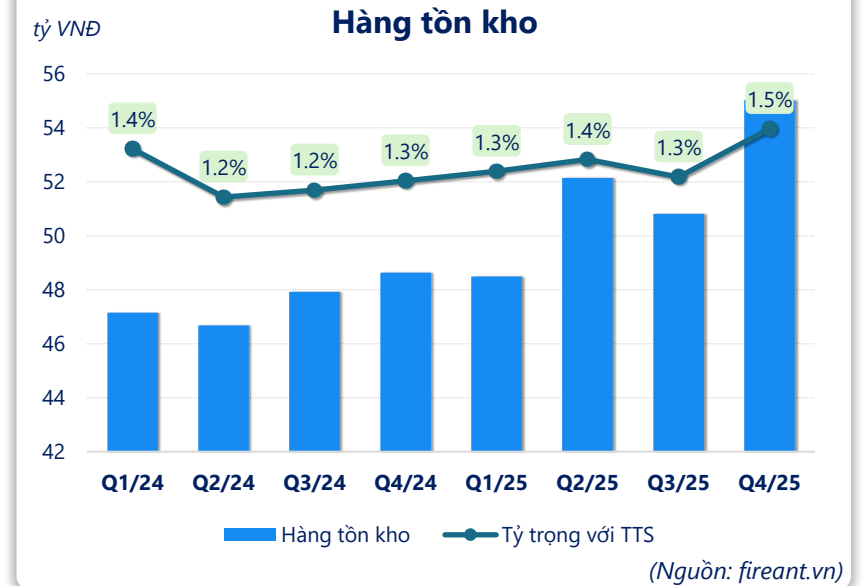
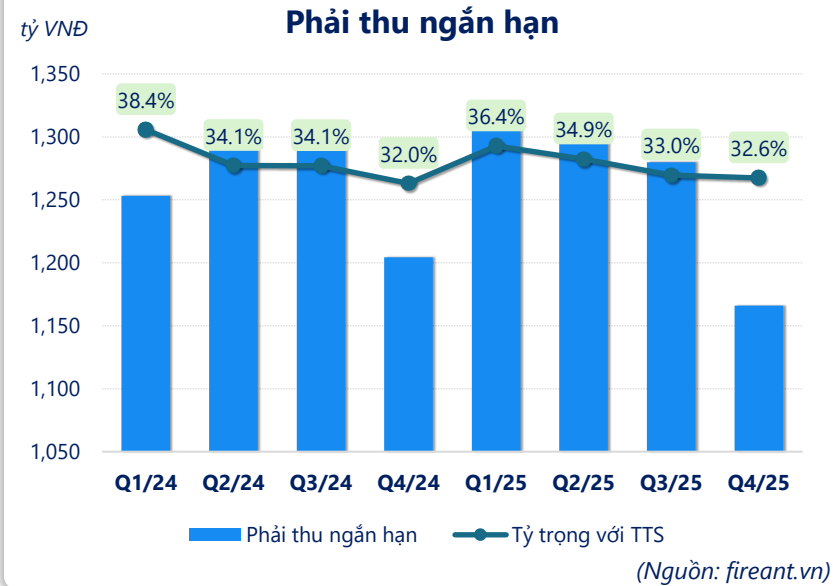
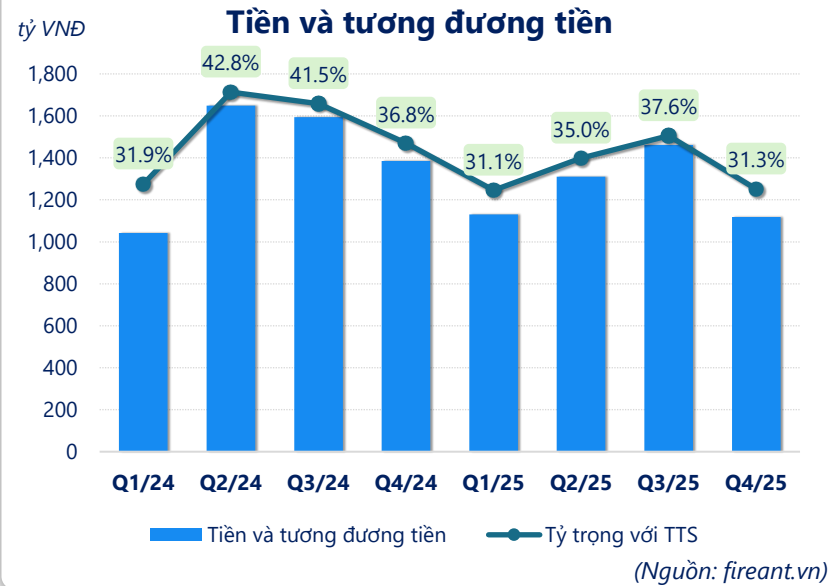
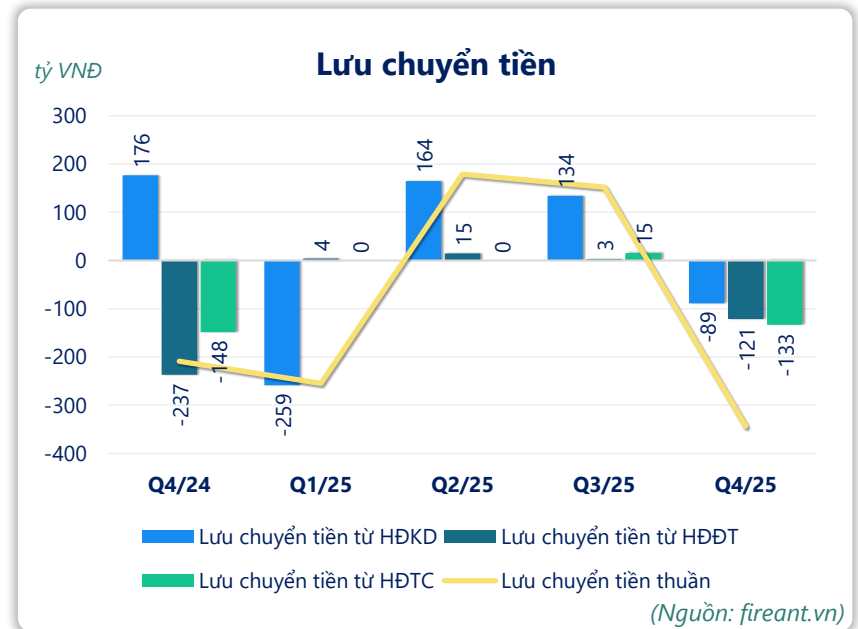
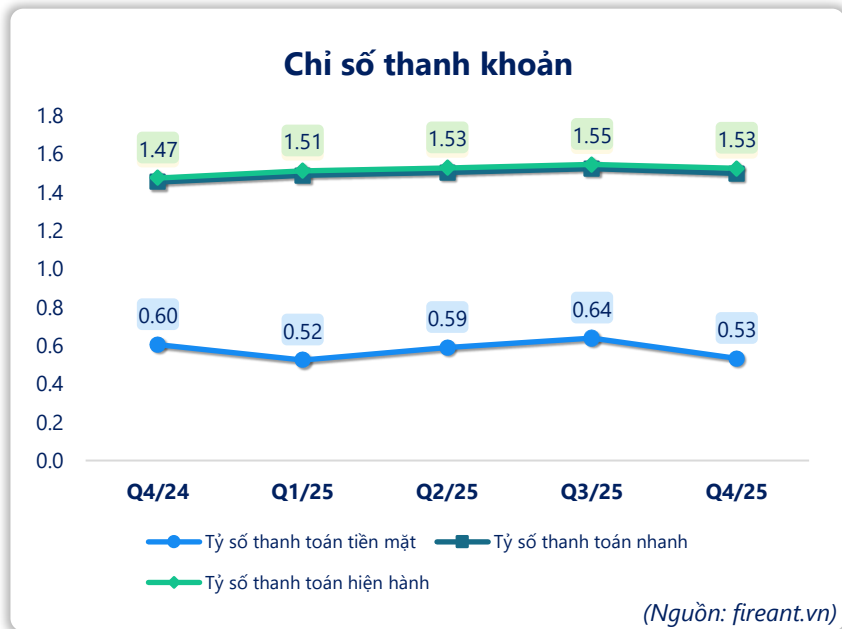
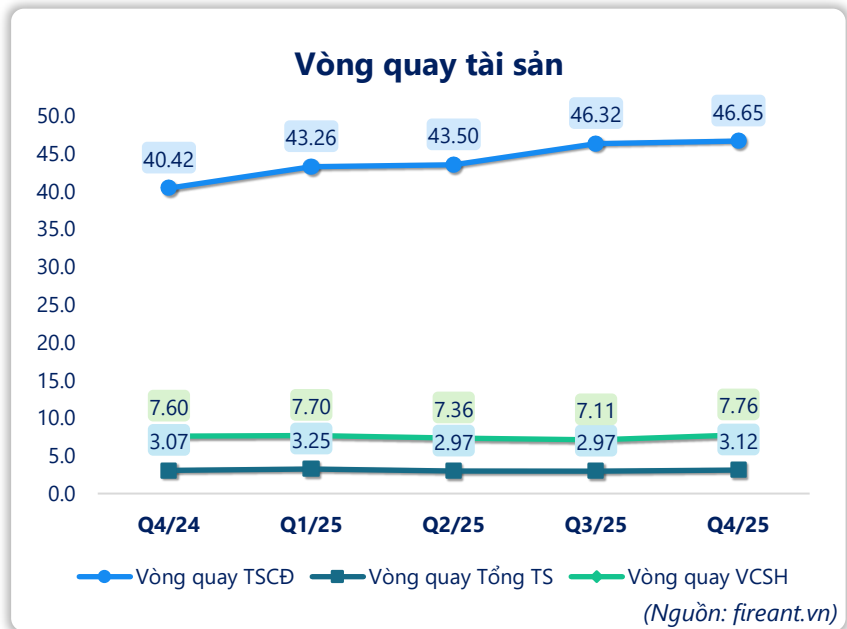
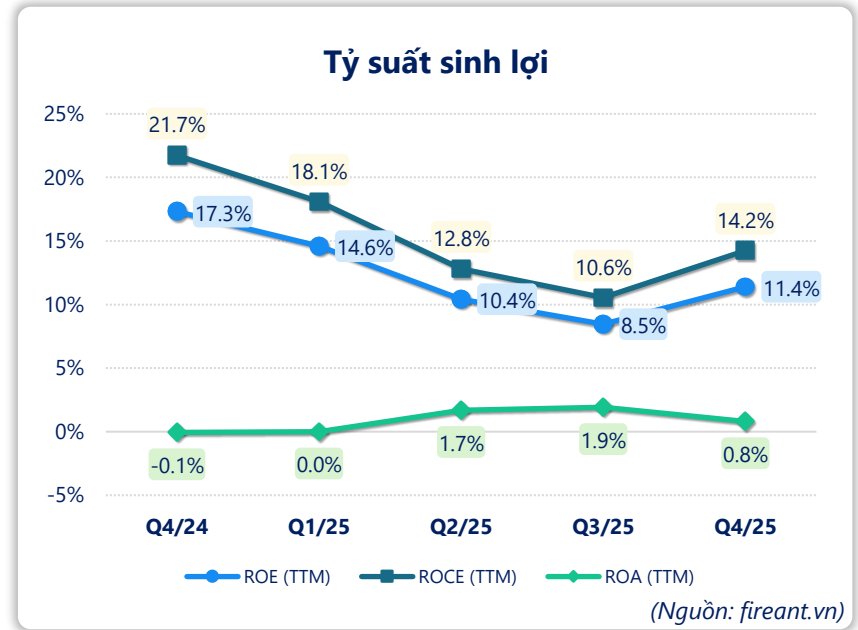
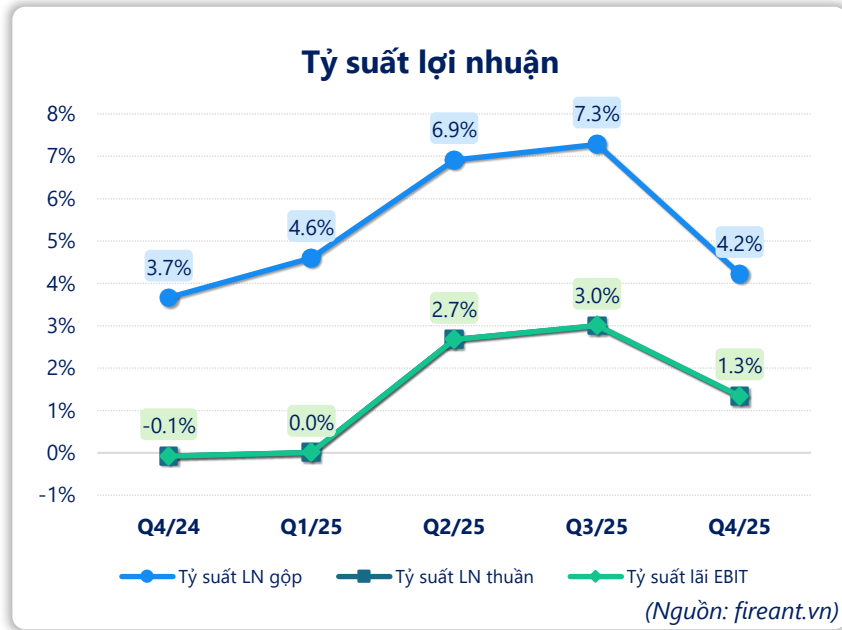
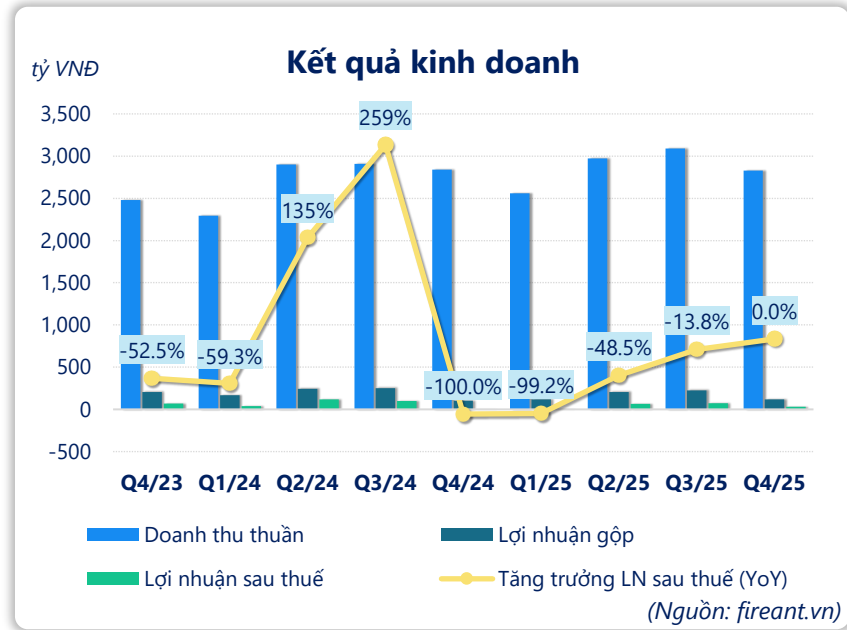


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,579
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,000
SL cổ phiếu LH		98,997,311
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,455
% sở hữu nước ngoài		46.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,336
P/E		13.9
EPS		1,701

	YTD	1T	3T	6T
PGD	-21.1%	-2.9%	-4.1%	-0.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,575	3,768	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	3,203	3,378	-5.2%
Tiền và tương đương tiền	1,118	1,385	-19.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	848	718	18.1%
Phải thu ngắn hạn	1,166	1,204	-3.2%
Hàng tồn kho	55.0	48.6	13.2%
Tài sản ngắn hạn khác	16.1	22.8	-29.6%
Tài sản dài hạn	372	390	-4.7%
Phải thu dài hạn	17.7	3.45	414%
Tài sản cố định	228	263	-13.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.22	1.91	226%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	120	122	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,099	2,291	-8.4%
Nợ ngắn hạn	2,099	2,291	-8.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.5	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,012	2,012	-49.7%
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,475	1,478	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	1,475	1,478	-0.1%
Vốn điều lệ	990	990	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,840	2,559	2,974	3,091	2,829
Giá vốn hàng bán	2,736	2,441	2,768	2,866	2,709
Lợi nhuận gộp	104	118	206	225	119
Doanh thu HĐTC	8.60	10.3	10.3	11.0	11.2
Chi phí TC	0.73	0.58	0.66	0.08	0.38
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.08	0.38
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	87.8	105	107	124	71.1
Chi phí QLDN	26.4	22.6	28.3	18.8	21.6
LN thuần từ HĐKD	-2.20	0.15	79.5	92.8	37.6
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.03	-0.09	-0.01	-0.03
LN trước thuế	-2.21	0.12	79.4	92.8	37.5
Lợi nhuận sau thuế	-2.21	0.01	64.3	74.2	29.8
LNST của CĐ cty mẹ	-2.21	0.01	64.3	74.2	29.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	176	-259	164	134	-88.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-237	4.25	14.6	2.66	-121
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-148	0	0	15.3	-133
Tiền đầu kỳ	1,594	1,385	1,131	1,310	1,461
Lưu chuyển tiền thuần	-209	-254	179	152	-343
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,385	1,131	1,310	1,461	1,118

(Nguồn: fireant.vn)